TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2020
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K’ My Na.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Văn Toán
2. Bà Trần Thị Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa : Ông Phạm Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2019/TLST-HNGĐ ngày 17-12-2019 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 11-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H; sinh 1983.
Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Tua E; sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số 151 thôn 11, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H có mặt, ông E vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa bà H trình bày: Bà và ông E tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2001 đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện D.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Em nhiều lần đánh đập bà. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và anh E có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T; Sinh ngày 21-5-2002; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 30-01-2006 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 22-7-2014, hiện cháu T đã trường thành, hoàn toàn khỏa mạnh. Khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản: Tài sản chung tự giải quyết. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản nợ chung và tài sản cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Bị đơn ông E trình bày: Ông và bà H tự nguyện về chung sống từ năm 2001, đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng xảy ra cải nhau, bà H tự ý bỏ nhà đi từ đó đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T; Sinh ngày 21-5-2002; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 30-01-2006 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 22-7-2014, hiện cháu T đã trường thành, hoàn toàn khỏa mạnh, các con đang sống cùng bà H. Khi ly hôn ông theo nguyện vọng của các con ở với ai thì ở, ở với bà H ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung và tài sản cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tài sản nợ chung: Nợ đại lý phân Na T, nợ anh M, anh L, anh Ph, Qu Th, Vinh H, Bé N, đại lý B, ông X, bà M, họ tên, địa chỉ và số tiền nợ cụ thể bao nhiêu ông không nắm được. Khi ly hôn số nợ trên ông và bà H cùng có trách nhiệm trả.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Phía bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông E tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2001 đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện D là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông E nhiều lần đánh đập bà. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Ông E xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân, xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn, qua xác minh tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuận hiện đã sống ly thân. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hô và ông E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Bà H được ly hôn ông E là phù hợp.

[2] Về con chung: Bà H và ông E cùng xác định vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T; Sinh ngày 21-5-2002; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 30-01-2006 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 22-7-2014, hiện cháu Tiên đã trường thành, hoàn toàn khỏa mạnh. Khi ly hôn bà H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con. Mỗi tháng, 2.000.000đ. Ông E thì theo nguyện vọng của các con ở với ai thì ở, ở với bà H ông không cấp dưỡng nuôi con. Qua xác ninh tại địa phương, xét quyền lợi mọi mặt của con, khả năng nuôi dưỡng con của mỗi bên, để đảm bảo cuộc sống của các cháu, hiện các cháu đang sinh sống cùng bà H, học hành và phát triển bình thường cũng như nguyện vọng cùa cháu Nguyễn Thị Cẩm T. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao các con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp.

[3] Về tài sản: Bà E xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự chia, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản nợ chung và tài sản cho vay chung không có. Ông E xác định vợ chồng không có tài sản chung, tài sản cho vay chung, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phần nợ chung ông E xác định vợ chồng có nợ một số người nhưng không cung cấp được họ tện, địa chỉ và số tiền cụ thể của các chủ nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu có trách chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí : Căn cứ Điều 144; Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà H và ông E phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng sân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn ông Nguyễn Thành Tua E.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 30-01-2006 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 22-7-2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, bắt đàu cấp dưỡng từ tháng 06 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí DSST xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014526 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D (Đã nộp đủ án phí).

Ông Nguyễn Thành Tua E phả chịu 300.000đ án pbi1 DSST về phần cấp dưỡng đình ky.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- Chi cục THADS huyện D;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Đương sự;
-UBND xã Hòa Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN DI LINH-LÂM ĐỒNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 15 phút ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại Phòng nghị án. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Xin ly hôn" giữa Bà Phạm Tị Hôn với ông Nguyễn Thành Tua Em

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông K' My Na
- Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phúc; ông Vũ Văn Toán.

NỘI DUNG

1- Ý kiến thành viên HĐ xét xử:

* Hội thẩm: Trần Thị Phúc

- Về quan hệ tranh chấp: Xin ly hôn
- Về điều luật áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Nội dung xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hôn được ly hôn ông Nguyễn Thành Tua Em.

+ Về con chung:

- Giao các con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 30-01-2006 và Nguyễn Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 22-7-2014 cho bà Hôn trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Em phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Về phần tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Bà Hôn và ông Em phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Hội Thẩm: Vũ Văn Toán

Thống nhất ý kiến HTND Phúc.

*Thẩm phán: K’ My Na

Thống nhất ý kiến các Hội thẩm nhân dân.

2- Biểu quyết: Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, đạt 100% về các nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hôn được ly hôn ông Nguyễn Thành Tua Em.

-Về con chung: - Giao các con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 30-01-2006 và Nguyễn Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 22-7-2014 cho bà Hôn trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Em cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

-Về án phí: Bà Hôn, ông Em phải chịu án phí DSST theo quy định.

Tuyên quyền và hướng dẫn thủ tục kháng cáo và thi hành án dân sự cho các đương sự.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 40 phút cùng ngày lập xong đọc lại cho mọi người cùng nghe công nhận đúng và cùng ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA